

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2018
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hạnh

Ông Võ Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Ti trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 475/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn N, sinh năm: 1966; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp N, xã K, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1969; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ti đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn N trình bày:

Ông N và bà T chung sống từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, từ năm 2001 thì không chung sống nữa, nay ông yêu cầu cho ông được ly hôn với bà T. Về con chung ông và bà T có 03 con chung, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung ông và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Bà T trình bày bà và ông N sống chung từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2001 thì không chung sống nữa. Trong thời gian chung sống có 03 con chung; các con đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông N và bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 02 tháng 8 năm 2018 ông N có đơn yêu cầu ly hôn với bà T, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án thụ lý đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn.

[2] Xét thấy ông N và bà T trình bày thống nhất đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, khi chung sống ông, bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đến nay không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về quan hệ giữa ông N và bà T chung sống với nhau như chồng nhưng không phát sinh quyền, N vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông N và bà T là vợ chồng là có căn cứ.

Về con chung: Có 03 chung đã trưởng thành ông bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và Gia đình 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của ông Lê Văn N yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị T.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa ông Lê Văn N và bà Phạm Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 03 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền Tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0010851 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D; ông N đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS H.D;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Khanh